

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2013/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 7 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về việc quy định mức thu phí thoát nước thải
áp dụng đối với khu công nghiệp Quảng Phú**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI KHÓA XI - KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về thoát nước đô thị và khu công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BXD ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết thực hiện một số nội dung của Nghị định số 88/2007/NĐ-CP ngày 28/5/2007 của Chính phủ;

Trên cơ sở xem xét Tờ trình số 1949/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về đề nghị ban hành nghị quyết Quy định mức thu phí thoát nước thải áp dụng đối với khu công nghiệp Quảng Phú; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu phí thoát nước thải áp dụng đối với khu công nghiệp Quảng Phú, cụ thể như sau:

1. Phạm vi áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải tại khu công nghiệp Quảng Phú, được đưa vào Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú để xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận, là các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

2. Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân hoạt động trong khu công nghiệp Quảng Phú, có xả nước thải vào Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú.

3. Xác định khối lượng nước thải thu phí:

a) Trường hợp chỉ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, khối lượng nước thải để tính thu phí được lấy bằng 80% khối lượng nước sạch tiêu thụ theo hóa đơn tiền nước hoặc thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

b) Trường hợp không sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung hoặc vừa sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, vừa sử dụng nguồn nước khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thì khối lượng nước thải tính thu phí được xác định thông qua đồng hồ đo lưu lượng nước thải.

4. Xác định hàm lượng chất gây ô nhiễm thu phí:

a) Hàm lượng chất gây ô nhiễm thu phí được xác định theo chỉ tiêu COD (mg/l).

b) Hàm lượng COD được xác định theo kết quả xét nghiệm của phòng thí nghiệm hợp chuẩn quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 42 Nghị định số 88/2007/NĐ-CP.

5. Các thông số ô nhiễm trong nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải và sau khi xử lý của hệ thống xử lý nước thải:

a) Các thông số ô nhiễm trong nước thải đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải: Theo Bảng 1.

Bảng 1

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị đầu vào
1	Màu ở pH = 7	Co-Pt	≤ 100
2	pH	-	5 – 9
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	≤ 600
4	COD	mg/l	≤ 1000
5	Chất rắn lơ lửng SS	mg/l	≤ 250
6	Dầu mỡ khoáng	mg/l	≤ 20
7	Dầu mỡ, chất béo động thực vật	mg/l	≤ 50
8	Tổng phốt pho, tính theo P	mg/l	≤ 15
9	Tổng Nitơ	mg/l	≤ 100

b) Các thông số ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý của Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú: Đạt giá trị C cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

6. Xác định mức thu phí thoát nước:

Mức thu phí thoát nước đối với các đối tượng nộp phí được xác định theo công thức: $F = f \times V \times K$

Trong đó:

+ f : là phí thoát nước được xác định theo bảng 2.

- + V là khối lượng nước thải thu phí được xác định theo quy định tại khoản 3.
- + K là hệ số điều chỉnh phụ thuộc hàm lượng COD được xác định theo Bảng 2.

Bảng 2

STT	Hàm lượng COD(mg/l)	Hệ số K	f (đồng/m ³)	Mức thu phí thoát nước cho 1m ³ nước thải (đồng/m ³)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)
1	≤ 100	1,0	2.105	2.105
2	101 -200	1,5	2.517	3.776
3	201 – 300	2,0	2.517	5.034
4	301 – 400	2,5	2.517	6.293
5	401 – 600	3,5	2.517	8.810
6	> 600	4,5	2.517	11.327

7. Đơn vị thu phí: Do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

8. Điều chỉnh phí thoát nước:

a) Phí thoát nước được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- Có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ cho Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú.
- Có sự thay đổi về quy chuẩn chất lượng dịch vụ xử lý nước thải.
- Thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước.

b) Quy trình, thủ tục, thẩm quyền điều chỉnh phí thoát nước: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh lập phương án điều chỉnh, trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến trước khi ban hành và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

9. Chế độ thu, quản lý và sử dụng phí:

a) Chế độ thu phí: Việc thu phí được thực hiện định kỳ hằng tháng. Đơn vị thu phí có trách nhiệm xác định mức phí thoát nước thải hằng tháng của tổ chức, cá nhân có hoạt động xả nước thải tại khu công nghiệp Quảng Phú.

b) Quản lý, sử dụng phí thoát nước thải: Toàn bộ phí thoát nước thải thu được do đơn vị thu phí quản lý và sử dụng cho việc vận hành, quản lý, bảo trì bảo dưỡng thường xuyên Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú, tái đầu tư thiết bị khi bị hư hỏng và đóng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải khi xả ra môi trường tiếp nhận theo quy định.

10. Kinh phí cấp bù từ ngân sách để đảm bảo vận hành Hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Quảng Phú

Trường hợp các nguồn thu từ phí thoát nước thải khu công nghiệp Quảng Phú, cho thuê lại đất có kết cấu hạ tầng theo giá Ủy ban nhân dân tỉnh quy định và phí dịch vụ trong khu công nghiệp Quảng Phú nhưng vẫn không đảm bảo đủ chi phí quản lý, vận hành, duy trì dịch vụ thoát nước thì được ngân sách cấp bù. Việc cấp bù được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2013, tại kỳ họp thứ 9./.

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Toán